

ĐÁNH GIÁ KIẾN THỨC VÀ SỰ TUÂN THỦ VỆ SINH TAY CỦA ĐIỀU DƯỠNG TẠI BỆNH VIỆN QUÂN Y 121, NĂM 2018

CNDD. DƯƠNG VĂN GHỈ VÀ CS

Bệnh viện Quân y 121

Phản biện khoa học: (1) PGS.TS. KIỀU CHÍ THÀNH

(2) TS. NGUYỄN LAN ANH

TÓM TẮT: Nghiên cứu mô tả cắt ngang 1.864 cơ hội vệ sinh tay trong chăm sóc người bệnh, nhằm đánh giá kiến thức và sự tuân thủ các thời điểm vệ sinh tay của điều dưỡng tại các khoa lâm sàng, Bệnh viện Quân y 121, từ tháng 5/2018 đến tháng 9/2018. **Kết quả:** Kiến thức điều dưỡng về vệ sinh tay: có khái niệm đúng 88,4%; thời gian vệ sinh tay đúng 85,5%; là biện pháp quan trọng và đơn giản để phòng ngừa nhiễm khuẩn bệnh viện 97,1%. Sự tuân thủ của điều dưỡng với 5 thời điểm vệ sinh tay: thường xuyên vệ sinh tay trước khi tiếp xúc người bệnh là 64,5%; trước khi làm thủ thuật vô khuẩn là 89,9%; 100% điều dưỡng tuân thủ vệ sinh tay sau khi tiếp xúc máu và dịch tiết người bệnh; 61,6% điều dưỡng vệ sinh tay sau tiếp xúc người bệnh; 60,9% điều dưỡng vệ sinh tay sau tiếp xúc môi trường xung quanh người bệnh. Tuy nhiên, có một số điều dưỡng chưa tuân thủ các thời điểm vệ sinh tay trong quá trình chăm sóc người bệnh: trước và sau khi tiếp xúc người bệnh (5,8%-11,6%), tiếp xúc môi trường xung quanh người bệnh (15,9%). Tỷ lệ điều dưỡng tuân thủ vệ sinh tay trong chăm sóc người bệnh tại Khoa Hồi sức tích cực và chống độc là 91,7%; khối ngoại là 85,9%; khối nội là 68,6%.

Từ khóa: Vệ sinh tay, thời điểm vệ sinh tay, điều dưỡng.

ABSTRACT: A cross-sectional descriptive study of 1,864 hand hygiene opportunities in care for patients, to evaluate the knowledge and compliance with hand hygiene moments of nurses at the clinical departments, Military hospital 121, from May 2018 to September 2018. **Results:** The nursing knowledge about hand hygiene: having correct conception 88.4%; correct time for hand hygiene 85.5%; It was an important and simple measure to prevent hospital infections by 97.1%. The compliance of the nurses with 5 moments of hand hygiene: regular hand hygiene before contacting patients was 64.5%; before the sterilization procedures were 89.9%; 100% of nurses complied with hand hygiene after contact with the patient's blood and secretions; 61.6% of nurses complied with hand hygiene after contact with the patients; 60.9% of nurses complied with hand hygiene after contacting the patient's surroundings. However, some nurses who did not comply with hand hygiene during patient's care: before and after contact with the patient (5.8% -11.6%), contacting the environment around the patient (15.9%). The rate of nurses who complied with hand hygiene in care for the patient at the Department of intensive care and poison control was 91.7%; in the block of surgical medicine was 85.9%; in the block of internal medicine was 68.6%.

Keyword: Hand hygiene, time of hand hygiene, nursing.

Chịu trách nhiệm nội dung: CNDD. Dương Văn Ghỉ, SĐT: 0913707550.

Ngày nhận bài: 15/01/2021; mời phản biện khoa học: 02/2021; chấp nhận đăng: 15/3/2021.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ.

Vệ sinh tay (VST) là biện pháp quan trọng và hữu hiệu nhất trong việc phòng ngừa nhiễm khuẩn bệnh viện, vì đôi bàn tay là phương tiện trung gian làm lan truyền các tác nhân gây nhiễm khuẩn. Kết quả nhiều nghiên cứu cũng chỉ ra, VST đôi khi vẫn chưa được thực hiện đúng cách, nguyên nhân chủ yếu do không đủ thời gian hoặc không đủ phương tiện cho việc VST. Theo Tổ chức Y tế thế giới (WHO), VST được coi là liều vắc xin tự chế, rất đơn giản, dễ thực hiện, hiệu quả về chi phí, đã cứu sống hàng triệu người bệnh. Những năm gần đây, Bộ Y tế đã phát động phong trào VST ở tất cả bệnh viện và cộng đồng.

Theo nhiều báo cáo của các chuyên gia kiểm soát nhiễm khuẩn trong và ngoài nước, VST sạch đã làm giảm tới 35% khả năng lây truyền vi khuẩn gây bệnh và có thể góp phần phòng ngừa nhiễm khuẩn bệnh viện. Theo điều tra của Hoa Kỳ (1998-2001), khoảng 10% người bệnh nhập viện mắc phải nhiễm khuẩn bệnh viện. Hằng năm, có khoảng 37 nghìn người tử vong có liên quan nhiễm khuẩn bệnh viện; chi phí hằng năm cho nhiễm khuẩn bệnh viện tới 7 tỉ Euro [3]. Và theo số liệu điều tra của WHO, tại 47 bệnh viện của 14 nước đại diện cho các khu vực khác nhau, tỉ lệ nhiễm khuẩn bệnh viện là 8,7%. Vì vậy, VST của nhân viên y tế là một trong những giải pháp hàng đầu được WHO khuyến cáo nhằm tăng cường kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh

viện và phòng ngừa các bệnh lây truyền cho người bệnh và nhân viên y tế.

Hàng năm, Bệnh viện Quân y 121 thu dung, điều trị cho hàng nghìn lượt bệnh nhân, nhưng chưa có nghiên cứu nào đánh giá vai trò VST của NVYT. Chúng tôi triển khai nghiên cứu này nhằm đánh giá kiến thức và sự tuân thủ các thời điểm VST của điều dưỡng (ĐD) tại Bệnh viện Quân y 121.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.

2.1. Đối tượng nghiên cứu:

138 ĐD trực tiếp tham gia làm kỹ thuật và chăm sóc NB các khoa lâm sàng Bệnh viện Quân y 121, từ tháng 5/2018 đến tháng 9/2018.

Loại trừ ĐD có thời gian làm việc dưới 6 tháng; ĐD không tham gia chăm sóc NB hoặc không đồng ý tham gia nghiên cứu.

2.2. Phương pháp nghiên cứu:

- Thiết kế nghiên cứu: mô tả cắt ngang.

- Cách chọn mẫu: thuận tiện.

- Phương pháp tiến hành: đánh giá kiến thức VST của ĐD bằng phiếu nghiên cứu (trả lời câu hỏi trong phiếu) được thiết kế sẵn theo mẫu của Bộ Y tế. Quan sát ngẫu nhiên ĐD trực tiếp làm kỹ thuật và chăm sóc NB tại các khoa lâm sàng (theo 5 thời điểm VST - Bộ Y tế), với 1.864 cơ hội VST.

- Đạo đức trong nghiên cứu: đề tài đã được hội đồng đạo đức bệnh viện thông qua. Tất cả người bệnh đều được giải thích rõ ý nghĩa của nghiên cứu và đồng ý tham gia. Các thông tin của người bệnh được bảo mật và chỉ sử dụng cho nghiên cứu.

- Xử lý số liệu: bằng phần mềm SPSS 16.0.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN.

3.1. Đặc điểm chung đối tượng nghiên cứu:

- Giới tính:

+ Nữ 96 ĐD (69,6%).

+ Nam: 42 ĐD (30,4%).

- Trình độ học vấn:

+ Trung cấp: 95 ĐD (68,8%).

+ Cao đẳng: 43 ĐD (31,2%).

- Thâm niên công tác:

+ Dưới 5 năm: 36 ĐD (26,1%).

+ Từ 5-9 năm: 48 ĐD (34,8%).

+ Trên 10 năm: 54 ĐD (39,1%).

- Vị trí làm việc theo khối:

+ Khối ngoại: 62 ĐD (45,0%).

+ Khối nội: 56 ĐD (40,5%).

+ Khoa Hồi sức tích cực và chống độc: 20 ĐD (14,5%).

ĐD nữ (69,6%) nhiều hơn ĐD nam (30,4%). Đa số ĐD có trình độ trung cấp (68,8%), thâm niên công tác trên 10 năm (39,1%). 45,0% ĐD làm việc khối ngoại, 40,5% ĐD làm việc khối nội và 14,5% ĐD làm việc Khoa Hồi sức tích cực và chống độc.

3.2. Kiến thức của ĐD về VST:

- Khái niệm VST:

+ Trả lời đúng: 122 (88,4%).

+ Trả lời sai: 16 (11,6%).

- Biện pháp quan trọng và đơn giản nhất để phòng ngừa nhiễm khuẩn bệnh viện:

+ Trả lời đúng: 134 (97,1%).

+ Trả lời sai: 4 (2,9%).

- Thời gian VST:

+ Trả lời đúng: 118 (85,5%).

+ Trả lời sai: 20 (14,5%).

Đa số ĐD có kiến thức đúng về khái niệm VST (88,4%), thời gian VST (85,5%), biện pháp quan trọng và đơn giản nhất để phòng ngừa nhiễm khuẩn bệnh viện (97,1%). Tuy nhiên, vẫn còn ĐD không hiểu tầm quan trọng VST (2,9%), thời gian VST (14,5%). Kết quả này thấp hơn kết quả nghiên cứu của Dương Duy Quang (khái niệm VST: 29%) [4].

3.3. Sự tuân thủ của ĐD với 5 thời điểm cần VST:

Bảng 1. Sự tuân thủ của ĐD với 5 thời điểm VST (n = 138).

Thời điểm	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
Trước khi tiếp xúc người bệnh	89 (64,5%)	41 (29,7%)	08 (5,8%)
Trước khi làm thủ thuật vô khuẩn	124 (89,9%)	14 (10,1%)	0
Sau khi tiếp xúc người bệnh	85 (61,6%)	37 (26,8%)	16 (11,6%)
Sau khi tiếp xúc máu và dịch tiết của người bệnh	138 (100%)	0	0
Sau khi tiếp xúc các vật dụng xung quanh NB	84 (60,9%)	32 (23,2%)	22 (15,9%)

Đa số ĐD có kiến thức đúng với 5 thời điểm VST trong chăm sóc người bệnh. Tuy nhiên, 5,8-29,7% ĐD trước khi tiếp xúc người bệnh không VST, 15,9-23,2% ĐD sau khi tiếp xúc các vật dụng xung quanh NB không VST. Kết quả này cao hơn kết quả nghiên cứu của Dương Duy Quang (1,8%) [4].

3.4. Các yếu tố liên quan đến tỉ lệ tuân thủ VST của ĐD:

Quan sát 1.864 cơ hội VST của ĐD, chúng tôi thấy:

- Tỉ lệ VST của ĐD theo trình độ chuyên môn:

+ Cao đẳng (n = 628): có VST: 526 (83,8%); không VST: 102 (16,2%).

+ Trung cấp (n = 1.236): có VST: 1.022 (82,7%); không VST: 214 (17,3%).

ĐD cao đẳng, trung cấp đều tuân thủ tốt VST trước, sau khi chăm sóc người bệnh, làm thủ thuật vô khuẩn, tiếp xúc máu hoặc dịch tiết từ người bệnh (> 80%); cao hơn kết quả nghiên cứu của Dương Duy Quang (50,49%) [4]. Tuy nhiên, vẫn có lúc ĐD không VST khi chăm sóc NB.

- Tỉ lệ tuân thủ VST của ĐD theo thâm niên công tác:

+ Dưới 5 năm (n = 516): có VST: 448 (86,8%); không VST: 68 (13,2%).

+ Từ 5-9 năm (n = 816): có VST: 722 (88,5%); không VST: 94 (11,5%).

+ Trên 10 năm (n = 514): có VST: 360 (70,0%); không VST: 154 (30,0%).

ĐD có thâm niên công tác từ 10 năm trở xuống tuân thủ VST rất tốt (đều trên 85%), ĐD có thâm niên công tác trên 10 năm sự tuân thủ VST đôi lúc chưa tốt (70,0%). Kết quả này phù hợp với kết quả nghiên cứu của Dương Duy Quang và Trần Thị Thu Trang [4, 5].

- Tỉ lệ tuân thủ VST của ĐD theo khối:

+ Hồi sức tích cực và chống độc (n = 624): có VST: 572 (91,7%); không VST: 52 (8,3%).

+ Khối nội (n = 512): có VST: 351 (68,6%); không VST: 161 (31,4%).

+ Khối ngoại (n = 728): có VST: 625 (85,9%); không VST: 103 (14,1%).

Hầu hết ĐD Khoa Hồi sức tích cực và chống độc tuân thủ rất tốt về VST (91,7%); ĐD khối ngoại tuân thủ VST 625 (85,9%) tốt hơn khối nội 351 (68,6%).

4. KẾT LUẬN.

Nghiên cứu đánh giá kiến thức và sự tuân thủ các thời điểm VST của 138 ĐD với 1.864 cơ hội VST trong chăm sóc người bệnh tại các khoa lâm sàng, Bệnh viện Quân y 121, từ tháng 5/2018 đến tháng 9/2018, kết luận:

- Kiến thức ĐD về VST: ĐD có khái niệm đúng về VST (88,4%), thời gian VST (85,5%) và tầm quan trọng của VST (97,1%). Vẫn còn 11,6% ĐD trả lời sai khái niệm VST và thời gian VST (14,5%).

- Sự tuân thủ VST của ĐD tại 5 thời điểm VST: VST trước khi tiếp xúc người bệnh: 64,5%; trước khi làm thủ thuật vô khuẩn: 89,9%; VST sau khi tiếp xúc máu và dịch tiết người bệnh: 100%; VST sau tiếp xúc người bệnh: 61,6%; VST sau tiếp xúc môi trường xung quanh người bệnh: 60,9%.

- ĐD có trình độ cao đẳng và trung cấp đều tuân thủ tốt VST trong chăm sóc NB (đều > 80%).

- ĐD có thâm niên công tác từ 10 năm trở xuống tuân thủ VST tốt (87,6%) hơn so với ĐD có thâm niên công tác trên 10 năm (70,0%).

- 91,7% ĐD làm việc Khoa Hồi sức tích cực và chống độc tuân thủ VST, 85,9% ĐD làm việc khối Ngoại và 68,6% ĐD làm việc khối Nội tuân thủ VST.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Nguyễn Việt Hùng, Lê Thị Thanh Thủy (2008), "Thực trạng phương tiện vệ sinh bàn tay, nhận thức và thực hành VST của nhân viên y tế tại một số bệnh viện khu vực phía Bắc năm 2005", *Tạp chí Y học lâm sàng*, số chuyên đề 6/2008, tr. 136-141.

2. Nguyễn Việt Hùng (2010), *Vệ sinh tay trong phòng ngừa nhiễm khuẩn bệnh viện*, Nhà xuất bản Y Học Hà Nội, tr. 58-65.

3. Cục Quân y (2016), *Hướng dẫn thực hành kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện*, Nhà xuất bản Quân đội, Hà Nội, tr. 111-114.

4. Dương Duy Quang và cộng sự (2015), *Kiến thức, thái độ và hành vi về vệ sinh tay thường quy của nhân viên y tế tại các khoa lâm sàng Bệnh viện Đa khoa khu vực Định Quán*.

5. Trần Thị Thu Trang và cộng sự (2017), *Đánh giá hiệu quả can thiệp về vệ sinh tay cho nhân viên y tế tại Bệnh viện Tai mũi họng thành phố Hồ Chí Minh*. □